

Bản án số: 07/2023/DS-PT  
Ngày: 28/02/2023  
*V/v tranh chấp lỗi đi chung*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Mai Tân Hoàng.

*Các Thẩm phán:* Ông Ngô Chậu và bà Vũ Ngọc Hà.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Ý Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Yên:** Bà Trần Thị Thu Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên, mở phiên tòa xét xử trực tuyến phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2022/DSPT ngày 25/10/2022 về việc “*Tranh chấp lỗi đi chung*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Phú Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 107/2022/QĐ-PT ngày 25/11/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Vợ chồng ông Huỳnh T, sinh năm: 1965, bà Phan Thị T1, sinh năm: 1964. Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**- Bị đơn:** Vợ chồng ông Trần Văn P, sinh năm: 1965, bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Ông Phước ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng. Có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp cho bị đơn:* Luật sư Nguyễn Ninh – thuộc Văn phòng Luật sư Nguyễn Ninh, đoàn Luật sư tỉnh Phú Yên. Có mặt.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ủy ban nhân dân xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có bà Nguyễn Thị Kim Thoa - Cán bộ địa chính.

**- Người làm chứng:**

1. Ông Phan Văn H1, sinh năm: 1965;
2. Ông Nguyễn Tấn Đ, sinh năm: 1957;
3. Ông Hồ Văn C, sinh năm: 1952

4. Ông Nguyễn Đức D, sinh năm: 1963
5. Bà Lê Thị S, sinh năm: 1945
6. Ông Nguyễn Thành T2, sinh năm: 1955
7. Ông Phạm C1, sinh năm: 1949
8. Ông Võ T3, sinh năm: 1946
9. Ông Phan Văn C2, sinh năm: 1937
10. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm: 1971

Đồng cư trú tại: thôn N, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên.

Do có kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2009, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa vợ chồng bà Phan Thị T1 và ông Huỳnh T trình bày:** Gia đình bà cùng gia đình bà Nguyễn Thị H và gia đình bà Trần Thị C3 cùng sử dụng chung một con đường sát cạnh nhà bà theo hướng Đông – Tây. Ngày 18/02/2019 gia đình bà H làm cổng khóa lại không cho gia đình bà đi lại gây ảnh hưởng đến sinh hoạt của gia đình, đoạn đường này là công vào nhà của gia đình bà H nhưng là lối đi vào phía sau của gia đình bà, gia súc không đi lại được phải ở trong chuồng từ đầu năm 2019 đến nay, làm ảnh hưởng đến sức khỏe của gia súc và kinh tế gia đình trong việc cày bừa ruộng nên yêu cầu Tòa giải quyết xác định đoạn đường có chiều dài khoảng 25m và chiều rộng khoảng 1,2m là lối đi chung và buộc vợ chồng bà H phải tháo dỡ cổng sắt hộp có bề rộng 1,46m và chiều cao 1,9m trả lại hiện trạng ban đầu. Nếu xác định đây là lối đi chung thì nguyên đơn xin trả lại 1/2 giá trị đường bê tông theo giá trị của Hội đồng định giá ngày 25/9/2019 là 1.063.000 đồng.

**Tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P trình bày:** Lối đi đang tranh chấp là gia đình bà đã sử dụng trên 100 năm, còn đất nhà nguyên đơn thì mới được cân đo năm 1993 nên phần lối đi chỉ có gia đình bà sử dụng có bề rộng khoảng 1,1m, gia đình bà đã tu bổ và sửa chữa thường xuyên nên gia đình ông T và gia súc không được sử dụng lối đi này, vì gia đình ông T có lối đi riêng. Năm 2018 gia đình bà đã sửa chữa đổ bê tông lối đi, nếu công nhận đây là lối đi chung thì đề nghị phải mở rộng bề ngang khoảng 2m hoặc 2,5m để sử dụng chung mới thuận lợi nên bị đơn yêu cầu công nhận đây là lối đi riêng của gia đình, bà đã đổ bê tông lối đi nên cũng không yêu cầu ai phải trả giá trị.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã H trình bày:** Theo hồ sơ địa chính năm 1993 và các tài liệu lưu giữ đều thể hiện diện tích đất đường đi đang tranh chấp là lối đi chung, không cân đo giao quyền sử dụng đất cho ai mà do UBND xã quản lý.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2022/DS-ST ngày 30/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện P đã quyết định:

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4, 15 Điều 3, Điều 96, khoản 1 Điều 171, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 175, 197, 198, 199 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh T và bà Phan Thị T1 về việc yêu cầu xác định lối đi chung và buộc tháo dỡ tài sản trái pháp luật trên lối đi chung.

Xác định lối đi có diện tích 40,6m<sup>2</sup>: chiều dài 26,8m, chiều rộng ở đầu phía Đông 1,21m và ở đầu phía Tây 2,63m (kèm theo bản vẽ của Hội đồng định giá lập ngày 25/9/2019) có tứ cận: Đông giáp đường đi bê tông trong xóm; Tây giáp nhà và đất ông Trần Văn P; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị G; Bắc giáp nhà ông Huỳnh T là lối đi chung do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P quản lý

Buộc bị đơn vợ chồng ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ cửa sắt cao 1,9m, chiều rộng 1,46 m trên lối đi chung này để trả lại lối đi chung.

Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh T và bà Phan Thị T1 thanh toán lại 1/2 giá trị đường bê tông theo định giá là 1.063.000 đồng cho bị đơn vợ chồng ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H.

Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 3.000.000 đồng. Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu khoản chi phí tố tụng này; nguyên đơn đã nộp 3.000.000 đồng, đã chi phí hết nên bị đơn vợ chồng ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị H phải hoàn lại cho nguyên đơn vợ chồng ông Huỳnh T và bà Phan Thị T số tiền trên.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/7/2022, bị đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

### **Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.
- Bị đơn và Luật sư của mình giữ nguyên yêu cầu kháng cáo – đề nghị không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bởi lẽ: Đất đã cân đối giao cho gia đình bị đơn vào 1993, gia đình nguyên đơn đã có lối đi khác chỉ dùng cho trâu bò đi gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sinh hoạt của bị đơn.
- UBND xã H giữ nguyên ý kiến đã trình bày như ở cấp sơ thẩm.
- Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy

định pháp luật tố tụng. Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng năm 2015 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn – giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong hạn luật định là kháng cáo hợp lệ được chấp nhận xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] *Về nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị H:*

*Về nguồn gốc lối đi đang tranh chấp:* Từ lời khai của các đương sự, người làm chứng Phan Văn H1 (BL 34), Võ T3 (BL 41), Phan Văn C2 (BL 42), trước đây là đường bờ ruộng đi vào các nhà ông N1, C2, H3. Sau khi cân đối đất đai theo ND 64/CP không còn dùng con đường này nữa. Riêng đoạn đường tranh chấp vẫn là đường đi chung của gia đình ông P và gia đình ông T.

*Về quá trình sử dụng đất, quản lý của nhà nước:* Theo các tờ bản đồ đo đạc hiện trạng lập năm 1993 thể hiện bà T3 (mẹ ông T) sử dụng thửa đất 502, tờ bản đồ 300A, ông P sử dụng thửa đất 938, tờ bản đồ 300A, có lối đi chung vào nhà ông P, bà H là lối đi chung, đo đạc hiện trạng năm 2016 vẫn thể hiện có lối đi chung. Lối đi này không ai đăng ký, kê khai, do UBND xã H quản lý. Ngoài ra tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất ông P (BL 56), có giới cận Đông giáp đường vào nhà 21,7m; Tây giáp Phạm Thị T4, Huỳnh L; Nam giáp đường vào nhà 28,7m; bắc giáp nhà bà Trần Thị C4; hồ sơ cấp giấy chứng nhận QSD đất bà Võ Thị T3 (mẹ ông T) (BL 61), có giới cận Đông giáp đường liên xóm 12,2m; Tây giáp nhà ông Trần Quang P; Nam giáp đường vô nhà 27m; bắc giáp nhà ông Hồ Văn C. Như vậy, các đương sự đều thừa nhận sự tồn tại của lối đi này là lối đi chung có từ trước do nhà nước quản lý, chưa được quy chủ cho ai.

Quyết định của bản án sơ thẩm xác định lối đi có diện tích 40,6m<sup>2</sup> (theo bản vẽ của Hội đồng định giá lập ngày 25/9/2019) là lối đi chung do UBND xã H, huyện P quản lý và buộc ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị H phải tháo dỡ cửa sắt cao 1,9m, chiều rộng 1,46 m trên lối đi chung để trả lại hiện trạng ban đầu là có cơ sở. Do đó cần chấp nhận quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đối với yêu cầu của bị đơn cho rằng nguyên đơn sử dụng đường đi cho gia súc đi lại, gây ô nhiễm môi trường ảnh hưởng đến sức khỏe của gia đình bị đơn thì bị đơn có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn Nguyễn Thị H - giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92, 147, 157, 158, 165, 166 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4, 15 Điều 3, Điều 96, khoản 1 Điều 171, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; các Điều 175, 197, 198, 199 Bộ luật dân sự; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu của vợ chồng bà Phan Thị T1 và ông Huỳnh T theo đơn khởi kiện ngày 17/6/2009 về việc yêu cầu xác định lối đi chung và buộc tháo dỡ tài sản trái pháp luật trên lối đi chung.

Xác định lối đi có diện tích 40,6m<sup>2</sup>: chiều dài 26,8m, chiều rộng ở đầu phía Đông 1,21m và ở đầu phía Tây 2,63m (kèm theo bản vẽ của Hội đồng định giá lập ngày 25/9/2019) có giới cận: Đông giáp đường đi bê tông trong xóm; Tây giáp nhà và đất ông Trần Văn P; Nam giáp đất bà Nguyễn Thị G; Bắc giáp nhà ông Huỳnh T là lối đi chung do Ủy ban nhân dân xã H, huyện P quản lý.

Buộc vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P phải tháo dỡ cửa sắt cao 1,9m, chiều rộng 1,46 m trên lối đi chung để trả lại lối đi chung như hiện trạng ban đầu.

2. Ghi nhận sự tự nguyện của vợ chồng bà Phan Thị T1 và ông Huỳnh T phải thanh toán lại 1/2 giá trị đường bê tông theo định giá là 1.063.000 đ (*Một triệu không trăm sáu ba ngàn đồng*) cho vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P phải chịu 3.000.000 đồng. Vợ chồng Phan Thị T1 và ông Huỳnh T đã nộp tạm ứng 3.000.000 đồng nên vợ chồng bà Nguyễn Thị H phải hoàn trả lại cho vợ chồng bà Phan Thị T1 3.000.000đ.

4. Về án phí:

Vợ chồng ông bà Nguyễn Thị H và ông Trần Văn P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm. Đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí, ở biên lai thu tiền số 0007408 ngày 24/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, nên còn phải nộp 300.000đ.

Hoàn trả cho vợ chồng Phan Thị T1 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp ở biên lai thu tiền số AA/2015/0013451 ngày 01/7/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Phú Yên (2);
- TAND H Phú Hòa (2);
- CC THADS H Phú Hòa;
- P. NVKT;
- Các đương sự;
- Lưu AV, Hồ sơ vụ án.

**Mai Tấn Hoàng**